**SỞ GD VÀ ĐT TP ĐÀ NẴNG ĐỀ CƯƠNG ÔN THI CUỐI KÌ II**

**TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN MÔN ĐỊA LÝ 11**

**TỔ: SỬ - ĐỊA NĂM HỌC: 2022 - 2023**

1. **PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Lãnh thổ Liên bang Nga chr yếu nằm trong vành đai khí hậu nào sau đây?

**A.** Cận cực. **B.** Ôn đới. **C.** Cận nhiệt. **D.** Ôn đới lục địa.

**Câu 2:** Loại rừng chiếm diện tích chủ yếu ở Liên bang Nga là

**A.** rừng taiga. **B.** rừng lá cứng. **C.** rừng lá rộng. **D.** thường xanh.

**Câu 3:** Ranh giới tự nhiên giữa hai châu lục Á- Âu trên lãnh thổ Liên bang Nga là

**A.** sông Vonga. **B.** sông Ô bi. **C.** núi Capcat. **D.** dãy Uran.

**Câu 4:** Ranh giới tự nhiên phân chia lãnh thổ nước Nga thành hai phần Đông và Tây là

**A.** dãy núi Uran. **B.** sông Ê-nit-xây. **C.** sông Ôbi. **D.** sông Lê-na.

**Câu 5:** Liên Bang Nga được coi là cường quốc trên thế giới về ngành công nghiệp

**A.** luyện kim. **B.** vũ trụ. **C.** chế tạo máy. **D.** dệt may.

**Câu 6:** Lãnh thổ LB Nga **không** có kiểu khí hậu nào sau đây?

**A.** Cận cực giá lạnh. **B.** Ôn đới hải dương.

**C.** Ôn đới lục địa. **D.** Nhiệt đới.

**Câu 7:** Ranh giới phân chia lãnh thổ nước Nga thành hai phần phía Đông và phía Tây là sông

**A.** Vôn - ga. **B.** Lê - na.

**C.** Ô - bi. **D.** Ê-nit- xây.

**Câu 8:** Sông nào sau đây được coi là biểu tượng của LB Nga?

**A.** Sông Ô-bi. **B.** Sông Lê-na. **C.** Sông Von-ga. **D.** Sông Ê-nit-xây.

**Câu 9:** Đặc điểm nào sau đây thể hiện rõ nhất LB Nga là một đất nước rộng lớn?

**A.** Nằm ở cả châu Á và châu Âu. **B.** Đất nước trải dài trên 11 múi giờ.

**C.** Giáp nhiều biể và nhiều nước châu Âu. **D.** Có nhiều kiểu khí hậu khác nhau.

**Câu 10:** LB Nga giáp với các đại dương nào sau đây?

**A.** Bắc Băng Dương và Đại Tây Dương. **B.** Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương.

**C.** Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. **D.** Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

**Câu 11:** Ngành công nghiệp nào của Liên bang Nga được xác định là ngành mũi nhọn, mang lại nguồn ngoại tệ lớn cho đất nước?

**A.** Hàng không, vũ trụ. **B.** Khai thác dầu khí. **C.** Luyện kim màu. **D.** Hóa chất, cơ khí.

**Câu 12:** Rừng ở LB Nga chủ yếu là rừng lá kim vì đại bộ phận lãnh thổ

**A.** Nằm trong vành đai ôn đới. **B.** Là đồng bằng.

**C.** Là cao nguyên. **D.** Là đầm lầy.

**Câu 13:** Đặc điểm nào sau đây là **không** đúng với phần phía Đông của LB Nga?

**A.** Phần lớn là núi và cao nguyên. **B.** Có nguồn khoáng sản và lâm sản lớn.

**C.** Có trữ năng thủy điện lớn. **D.** Có đồng bằng Đông Âu tương đối cao.

**C.** Đóng tàu và chế biến thực phẩm. **D.** Khai khoáng và chế tạo máy.

**Câu 14:** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho dân số của LB Nga giảm mạnh?

**A.** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên âm. **B.** Tỉ suất sinh giảm nhanh hơn tỉ suất tử.

**C.** Người Nga di cư ra nước ngoài nhiều. **D.** Tư tưởng không muốn sinh con.

**Câu 15:** Biểu hiện cơ bản nhất chứng tỏ LB Nga từng là trụ cột của Liên bang Xô Viết là

**A.** diện tích lớn nhất. **B.** dân số lớn nhất.

**C.** sản lượng các ngành kinh tế lớn nhất. **D.** số vốn đầu tư lớn nhất.

**Câu 16:** Sông ngòi Nhật Bản có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố đều trên cả nước.

**B.** Chủ yếu là các sông nhỏ, ngắn, dốc, có giá trị thủy điện.

**C.** Có nhiều sông lớn bồi tụ những đồng bằng phù sa màu mỡ.

**D.** Các sông có giá trị tưới tiêu nhưng không có giá trị thủy điện.

**Câu 17:** Dân số Nhật Bản **không** có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Dân cư tập trung ở các thành phố ven biển. **B.** Tỉ lệ người già ngày càng cao.

**C.** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên thấp. **D.** Quy mô dân số ngày càng tăng nhanh.

**Câu 18:** Thiên tai gây thiệt hại lớn nhất đối với Nhật Bản là

**A.** bão. **B.** vòi rồng. **C.** sóng thần. **D.** động đất, núi lửa.

**Câu 19:** Phát biểu **không** đúng về đặc điểm tự nhiên của Nhật Bản là

**A.** có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau. **B.** nằm trong khu vực khí hậu gió mùa, ít mưa.

**C.** địa hình chủ yếu là đồi núi, nhiều núi lửa. **D.** có nhiều thiên tai động đất, núi lửa, sóng thần.

**Câu 20:** Ngành công nghiệp được coi là ngành mũi nhọn của Nhật Bản là

**A.** chế tạo xe máy. **B.** xây dựng. **C.** sản xuất điện tử. **D.** tàu biển.

**Câu 21:** Nhận xét nào sau đây **không** chính xác về đặc điểm dân cư của Nhật Bản?

**A.** Phần lớn dân số Nhật Bản tập trung ở các đô thị.

**B.** Nhật Bản là nước đông dân nhưng mật độ dân số không cao.

**C.** Tốc độ tăng dân số Nhật Bản hiện nay thấp và đang giảm dần.

**D.** Các đảo ở phía Bắc nhìn chung có mật độ dân số thấp hơn ở phía nam.

**Câu 22:** Đảo chiếm 61% tổng diện tích đất nước Nhật Bản là

**A.** Hô-cai-đô. **B.** Hôn-su. **C.** Xi-cô-cư. **D.** Kiu-xiu.

**Câu 17:** Nhật Bản nằm ở khu vực nào dưới đây?

**A.** Đông Á. **B.** Nam Á. **C.** Bắc Á. **D.** Tây Á.

**Câu 23:** Biểu hiện chứng tỏ Nhật Bản là nước có nền công nghiệp phát triển cao là

**A.** sản phẩm công nghiệp rất phong phú, đáp ứng được nhu cầu trong nước.

**B.** quy mô sản xuất công nghiệp lớn, xuất khẩu nhiều sản phẩm công nghiệp.

**C.** giá trị sản lượng công nghiệp lớn, nhiều ngành có vị trí cao trên thế giới.

**D.** 80% lao động làm việc trong công nghiệp, thu nhập của công nhân cao.

**Câu 24:** Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Nhật Bản là

**A.** sản phẩm nông nghiệp. **B.** năng lượng và nguyên liệu.

**C.** sản phẩm thô chưa qua chế biến. **D.** sản phẩm công nghiệp chế biến.

**Câu 25:** Hạn chế lớn về tự nhiên của Nhật Bản là

**A.** vùng biển có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau.

**B.** nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, ít mưa.

**C.** phía bắc có khí hậu ôn đới, phía nam có khí hậu cận nhiệt.

**D.**  có nhiều thiên tai như: động đất, núi lửa, sóng thần, bão.

**Câu 26:** Sự già hóa dân số của Nhật Bản thể hiện ở

**A.** Tuổi thọ trung bình thấp. **B.** Tốc độ gia tăng dân số cao.

**C.**  Tỉ lệ người già trong dân cư lớn. **D.** Tỉ lệ trẻ em ngày càng nhiều.

**Câu 27:** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho nông nghiệp giữ vai trò thứ yếu trong nền kinh tế Nhật Bản?

**A.** Diện tích đất nông nghiệp nhỏ. **B.** Tỉ trọng rất nhỏ trong GDP.

**C.** Lao động chiếm tỉ trọng thấp. **D.** Điều kiện sản xuất khó khăn.

**Câu 28:** Vùng biển Nhật Bản có nhiều ngư trường lớn chủ yếu do

**A.** nằm ở nơi các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau.

**B.** khí hậu ôn đới gió mùa, dòng biển nóng chảy qua.

**C.** có đường bờ biển dài và vùng biển rộng.

**D.** nằm ở nơi di lưu của các luồng sinh vật.

**Câu 29:** Người dân Nhật Bản có trình độ dân trí cao chủ yếu là do

**A.** phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. **B.** chính sách thu hút nhân tài.

**C.** chất lượng cuộc sống tốt. **D.** chú trọng đầu tư cho giáo dục.

**Câu 30:** Nguyên nhân nào sau đây làm cho Nhật Bản có ngư trường lớn?

**A.** Vùng biển có diện tích rộng lớn. **B.** Vùng biển nóng ấm quanh năm.

**C.** Có dòng biển nóng và lạnh gặp nhau. **D.** Bờ biển nhiều vũng vịnh, đầm phá.

**Câu 31:** Biên giới Trung Quốc với các nước chủ yếu là

**A.** núi cao và hoang mạc. **B.** núi thấp và đồng bằng.

**C.** đồng bằng và hoang mạc. **D.** núi thấp và hoang mạc.

**Câu 32:** Tỉ suất gia tăng dân số tư nhiên của Trung Quốc ngày càng giảm là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Tiến hành chính sách dân số triệt để. **B.** Sự phát triển nhanh của y tế, giáo dục.

**C.** Sự phát triển nhanh của nền kinh tế. **D.** Người dân không muốn sinh nhiều con.

**Câu 33:** Những thay đổi quan trọng trong nền kinh tế Trung Quốc là kết quả của

**A.** công cuộc đại nhảy vọt. **B.** các kế hoạch 5 năm.

**C.** công cuộc hiện đại hóa. **D.** cuộc cách mạng văn hóa.

**Câu 34:** Chính sách công nghiệp mới của Trung Quốc tập trung chủ yếu vào 5 ngành chính nào sau đây?

**A.** Chế tạo máy, dệt may, hóa chất, sản xuất ô tô và xây dựng.

**B.** Chế tạo máy, điện tử, hóa chất, sản xuất ô tô và luyện kim.

**C.** Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và luyện kim.

**D.** Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và xây dựng.

**Câu 35:** Đặc điểm chính của địa hình Trung Quốc là

**A.** thấp dần từ bắc xuống nam. **B.** thấp dần từ tây sang đông.

**C.** cao dần từ bắc xuống nam. **D.** cao dần từ tây sang đông.

**Câu 36:** Miền Đông Trung Quốc thuộc kiểu khí hậu

**A.** cận nhiệt đới và ôn đới gió mùa. **B.** nhiệt đới và xichs đạo gió mùa.

**C.** ôn đới lục địa và ôn đới gió mùa. **D.** cận nhiệt đới và ôn đới lục địa.

**Câu 37:** Các dân tộc ít người của Trung Quốc phân bố rải rác ở khu vực nào sau đây?

**A.** Các thành phố lớn. **B.** Các đồng bằng châu thổ.

**C.** Vùng núi cao phía tây. **D.** Dọc biên giới phía nam.

**Câu 38:** Trung Quốc **không** áp dụng chính sách, biện pháp nào sau đây trong cải cách nông nghiệp?

**A.** Giao đất cho người nông dân. **B.** Cải tạo tốt hệ thống thủy lợi.

**C.** Đưa giống mới vào sản xuất. **D.** Tăng thêm thuế nông nghiệp.

**Câu 39:** Thế mạnh nổi bật để phát triển công nghiệp nông thôn của Trung Quốc là

**A.** khí hậu khá ổn định. **B.** nguồn lao động dồi dào.

**C.** cơ sở hạ tầng hiện đại. **D.** có nguồn vốn đầu tư lớn.

**Câu 40:** Dân tộc nào chiếm số dân dông nhất ở Trung Quốc?

**A.** Hán. **B.** Choang. **C.** Tạng. **D.** Hồi.

**Câu 41:** Dân cư Trung Quốc tập trung đông nhất ở vùng

**A.** ven biển và thượng lưu các con sông. **B.** ven biển và hạ lưu các con sông.

**C.** ven biển và vùng đồi núi phía Tây. **D.** phía Tây Bắc và vùng trung tâm.

**Câu 42:** Phần phía đông Trung Quốc tiếp giáp với đại dương nào sau đây?

**A.** Thái Bình Dương. **B.** Đại Tây Dương. **C.** Ấn Độ Dương. **D.** Bắc Băng Dương.

**Câu 43:** Các đồng bằng ở miền Đông Trung Quốc theo thứ tự từ Bắc xuống Nam là

**A.** Hoa Bắc, Đông Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam. **B.** Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam.

**C.** Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Nam, Hoa Trung. **D.** Đông Bắc, Hoa Nam, Hoa Bắc, Hoa Trung.

**Câu 44:** Phát minh nào sau đây **không** phải của Trung quốc?

**A.** La bàn. **B.** Giấy. **C.** Kĩ thuật in. **D.** Chữ la tinh.

**Câu 45:** Trung Quốc là nước có diện tích lớn thứ tư trên thế giới sau các nước nào sau đây?

**A.** Nga, Canada, Hoa Kì. **B.** Nga, Canada, Australlia.

**C.** Nga, Hoa Kì, Braxin. **D.** Nga, Hoa Kì, Mông Cổ.

**Câu 46:** Nhận xét nào dưới đây là đúng về đặc điểm đường biên giới với các nước trên đất liền của Trung Quốc?

**A.** Chủ yếu là núi và cao nguyên. **B.** Chủ yếu là núi cao và hoang mạc.

**C.** Chủ yếu là đồng bằng và hoang mạc. **D.** Chủ yếu là đồi núi thấp và đồng bằng.

**Câu 47:** Nhận xét nào sau đây **không** đúng về đặc điểm miền Đông Trung Quốc?

**A.** Có các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa. **B.** Dân cư tập trung đông đúc, nông nghiệp trù phú.

**C.** Nghèo khoáng sản, chỉ có than đá là đáng kể. **D.** Phía bắc miền đông có khí hậu ôn đới gió mùa.

**Câu 48:** Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của Trung Quốc phát triển mạnh dựa trên lợi thế chủ yếu nào sau đây?

**A.** Thu hút được rất nhiều vốn, công nghệ từ nước ngoài.

**B.** Có nhiều làng nghề với truyền thống sản xuất lâu đời.

**C.** Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng.

**D.** Nguồn lao động đông đảo, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**Câu 49:** Bình quân lương thực theo đầu người của Trung Quốc vẫn còn thấp là do

**A.** sản lượng lương thực thấp. **B.** diện tích đất canh tác rất ít.

**C.** dân số đông nhất thế giới. **D.** năng suất cây lương thực thấp.

**Câu 50:** Thành tựu của chính sách dân số triệt để của Trung Quốc là

**A.** giảm tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên. **B.** làm tăng chênh lệch cơ cấu giới tính.

**C.** làm tăng số lượng lao động nữ giới. **D.** giảm quy mô dân số của cả nước.

**Câu 51:** Tác động tiêu cực nhất của chính sách dân số rất triệt để ở Trung Quốc là

**A.** làm tăng tình trạng bất bình đẳng giới. **B.** mất cân bằng giới tính nghiêm trọng.

**C.** mất cân bằng trong phân bố dân cư. **D.** tỉ lệ dân cư nông thôn giảm mạnh.

**Câu 52:** Miền Tây Trung Quốc có kiểu khí hậu chủ yếu nào sau đây?

**A.** Khí hậu ôn đới hải dương. **B.** Khí hậu ôn đới gió mùa.

**C.** Khí hậu cận nhiệt đới gió mùa. **D.** Khí hậu ôn đới lục địa.

**Câu 53:** Sự phát triển của các ngành công nghiệp nào sau đây quyết định việc Trung Quốc chế tạo thành công tàu vũ trụ?

**A.** Điện, luyện kim, cơ khí. **B.** Điện, chế tạo máy, cơ khí.

**C.** Điện tử, cơ khí chính xác, máy tự động. **D.** Điện tử, luyện kim, cơ khí chính xác.

**Câu 54:** Trung Quốc **không** áp dụng chính sách, biện pháp nào trong cải cách ngành nông nghiệp?

**A.** Giao quyền sử dụng đất cho nông dân. **B.** Cải tạo, xây dựng hệ thống thủy lợi.

**C.** Áp dụng kĩ thuật mới, phổ biến giống mới. **D.** Hạn chế xuất khẩu lương thực, thực phẩm.

**Câu 55:** Vùng trồng lúa gạo của Trung Quốc tập trung ở khu vực có khí hậu nào dưới đây?

**A.** Ôn đới gió mùa và cận nhiệt gió mùa. **B.** Cận nhiệt gió mùa và cận nhiệt lục địa.

**C.** Cận nhiệt lục địa và nhiệt đới gió mùa. **D.** Cận nhiệt gió mùa và nhiệt đới gió mùa.

**Câu 56:** Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho diện tích rừng ở các nước Đông Nam Á bị thu hẹp là do

**A.** khai thác không hợp lí và cháy rừng. **B.** cháy rừng và xây dựng nhà máy thủy điện.

**C.** mở rộng diện tích đất canh tác nông nghiệp. **D.** kết quả trồng rừng còn nhiều hạn chế.

**Câu 57:** Khu vực Đông Nam Á tiếp giáp hai đại dương là

**A.** Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương. **B.** Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

**C.** Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương. **D.** Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.

**Câu 58:** Đặc điểm nào sau đây không đúng khi nói về vị trí địa lí của Đông Nam Á?

**A.** Là cầu nối giữa các lục địa Á- Âu- Ô-xtrây-li-a.

**B.** Nằm ở phía Đông Nam của Châu Á.

**C.** Là nơi giao thoa giữa các nền văn hóa lớn.

**D.** Nơi tiếp giáp giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

**Câu 59:** Một trong những lợi thế của hầu hết các nước Đông Nam Á là

**A.** phát triển thủy điện. **B.** phát triển lâm nghiệp.

**C.** phát triển kinh tế biển. **D.** phát triển chăn nuôi.

**Câu 60:** Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á?

**A.** Khí hậu nóng ẩm. **B.** Khoáng sản nhiều loại.

**C.** Đất trồng đa dạng. **D.** Rừng ôn đới phổ biến.

**Câu 61:** Hướng phát triển của công nghiệp Đông Nam Á không phải là

**A.** tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài. **B.** hiện đại hóa thiết bị, chuyển giao công nghệ.

**C.** tập trung sản xuất phục vụ nhu cầu trong nước. **D.** tăng cường đào tạo kĩ thuật cho người lao động.

**Câu 62:** Một số sản phẩm công nghiệp của Đông Nam Á đã có được sức cạnh tranh trên thị trường thế giới chủ yếu là nhờ vào việc

**A.** liên doanh với các hãng nổi tiếng ở nước ngoài. **B.** tăng cường công nhân có trình độ kĩ thuật cao.

**C.** đầu tư vốn để đổi mới nhiều máy móc, thiết bị. **D.** có sự liên kết và hợp tác sản xuất giữa các nước.

**Câu 63:** Các cây trồng chủ yếu ở Đông Nam Á là

**A.** lúa gạo, cà phê, cao su, hồ tiêu, dừa. **B.** lúa mì, cà phê, củ cải đường, chà là.

**C.** lúa gạo, củ cải đường, hồ tiêu, mía. **D.** lúa mì, dừa, cà phê, ca cao, mía.

**Câu 64:** Vấn đề nào sau đây không còn là thách thức lớn đối với các nước ASEAN hiện nay?

**A.** Tình trạng ô nhiễm môi trường. **B.** Chênh lệch giàu nghèo lớn.

**C.** Thất nghiệp, thiếu việc làm. **D.** Thiếu lương thực trầm trọng.

**Câu 65:** Nguyên nhân chính làm cho ngành khai thác hải sản ở các nước Đông Nam Á chưa phát huy được lợi thế là

**A.** phương tiện khai thác thô sơ, chậm đổi mới. **B.** thời tiết diễn biến thất thường, nhiều thiên tai.

**C.** chưa chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển. **D.** môi trường biển bị ô nhiễm nghiêm trọng.

**Câu 66:** Xu hướng phổ biến trong chính sách phát triển công nghiệp của các nước Đông Nam Á hiện nay là

**A.** chú trọng phát triển sản xuất hàng tiêu dùng. **B.** tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài.

**C.** phát triển các ngành hiện đại, vốn đầu tư lớn. **D.** ưu tiên phát triển các ngành truyền thống.

**Câu 67:** Biểu hiện chứng tỏ cơ cấu nền kinh tế các nước Đông Nam Á đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là

**A.** dịch vụ đóng góp cho GDP là chủ yếu.

**B.** kinh tế nông nghiệp ngày càng thu hẹp.

**C.** kinh tế công nghiệp chuyển sang kinh tế dịch vụ.

**D.** kinh tế nông nghiệp chuyển sang kinh tế công nghiệp.

**Câu 68:** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho sản lượng lúa gạo của khu vực Đông Nam Á tăng lên trong những năm gần đây?

**A.** Khai hoang, mở rộng diện tích lúa. **B.** Áp dụng các biện pháp thâm canh.

**C.** Dân số tăng, nhu cầu thị trường lớn. **D.** Sử dụng giống mới năng suất cao.

**Câu 69:** Mục tiêu khái quát nhất mà các nước ASEAN cần đạt được là

**A.** xây dựng ASEAN thành một khu vực hoà bình, ổn định.

**B.** giải quyết những khác biệt trong nội bộ liên quan đến mối quan hệ giữa ASEAN với các nước.

**C.** đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hoà bình, ổn định, cùng phát triển.

**D.** thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục và tiến bộ xã hội của các nước.

**Câu 70:** Đông Nam Á có truyền thống văn hóa phong phú đa dạng là do

**A.** có dân số đông, nhiều quốc gia.

**B.** nằm tiếp giáp giữa các đại dương lớn.

**C.** vị trí cầu nối giữa lục địa Á - Âu và lục địa Ô-xtray- li-a.

**D.** là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn.

**Câu 71:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới ở Đông Nam Á là

**A.** Khí hậu nóng ẩm, hệ đất trồng phong phú, mạng lưới sông ngòi dày đặc.

**B.** Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng (trừ Lào).

**C.** Hoạt động của gió mùa với một mùa đông lạnh thực sự.

**D.** Địa hình đồi núi chiếm ưu thế và có sự phân hóa của khí hậu.

**Câu 72:** Đặc điểm nào sau đây không đúng về dân cư - xã hội của phần lớn các nước Đông Nam Á hiện nay?

**A.** Lao động có chuyên môn kĩ thuật chiếm tỉ lệ lớn.

**B.** Dân cư tập trung đông ở các đồng bằng châu thổ.

**C.** Dân số đông, cơ cấu dân số trẻ.

**D.** Có nhiều nét tương đồng về phong tục, tập quán và sinh hoạt văn hóa.

**Câu 73:** Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm dân cư của Đông Nam Á?

**A.** Dân cư đông và tăng nhanh. **B.** Mật độ dân số cao nhưng phân bố không đều.

**C.** Nguồn lao động rất dồi dào. **D.** Dân cư phân bố đồng đều giữa các quốc gia.

**Câu 74:** Quốc gia nào sau đây ở Đông Nam Á chịu ảnh hưởng nhiều nhất của bão?

**A.** Việt Nam **B.** Ma-lai-xi-a. **C.** Phi-lip-pin. **D.** In-đô-nê-xi-a.

**Câu 75:** Điểm nào sau đây không đúng với tài nguyên khu vực Đông Nam Á?

**A.** Sinh vật biển đa dạng. **B.** Khí hậu ôn hoà. **C.** Thực vật phong phú. **D.** Khoáng sản giàu có.

**Câu 76:** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nhiều nước Đông Nam Á hiện nay có xu hướng giảm chủ yếu do

**A.** thực hiện tốt chính sách dân số. **B.** trình độ dân trí được nâng cao.

**C.** tâm lí xã hội có nhiều thay đổi. **D.** nông nghiệp cần ít lao động hơn.

**Câu 77:** Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA,

NĂM 2012 VÀ 2015

*(Đơnvị: Đô la Mỹ)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **In-đô-nê-xi-a** | **Phi-líp-pin** | **Thái Lan** | **Xin-ga-po** | **Việt Nam** |
| 2012 | 3 701 | 2 605 | 5 915 | 54 451 | 1 748 |
| 2015 | 3 346 | 2 904 | 5 815 | 52 889 | 2 109 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

Căn cứ vào bảng số liệu,cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của một số quốc gia, năm 2012 và 2015?

**A.** Xin-ga-po giảm chậm hơn In-đô-nê-xi-a. **B.** Xin-ga-po tăng nhiều nhất trong 5 nước.

**C.** Phi-líp-pin tăng chậm hơnViệtNam. **D.** Thái Lan giảm chậm nhất trong 5 nước.

**Câu 78:** Cho bảng số l iệu:

XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015

*(Đơn vị: Tỷ USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Ma-lai-xi-a** | **Thái Lan** | **Xin-ga-po** | **Việt Nam** |
| Xuất khẩu | 210,1 | 272,9 | 516,7 | 173,3 |
| Nhập khẩu | 187,4 | 228,2 | 438,0 | 181,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê,2017)*

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tình hình xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của một số quốc gia năm 2015?

**A.** Ma-lai-xi-a là nước nhập siêu. **B.** Việt Nam là nước nhập siêu.

**C.** Thái Lan xuất siêu nhiều nhất. **D.** Ma-lai-xi-a nhập siêu ít nhất.

**Câu 79:** Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015

*(Đơn vị: Tỷ USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Ma-lai-xi-a** | **Thái Lan** | **Xin-ga-po** | **Việt Nam** |
| Xuất khẩu | 210,1 | 272,9 | 516,7 | 173,3 |
| Nhập khẩu | 187,4 | 228,2 | 438,0 | 181,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê,2017)*

Để thể hiện giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2015 theo bảng số liệu trên, biểu đồ nào là thích hợp nhất?

**A.** Cột. **B.** Đường. **C.** Tròn. **D.** Miền.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU DÂN SỐ TRUNG QUỐC PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN NĂM 2005 VÀ 2014

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2014** |
| Thành thị | 37,0 | 54,5 |
| Nông thôn | 63,0 | 45,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê 2015, NXB Thống kê 2016)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu dân số Trung Quốc phân theo thành thị và nông thôn năm 2005 và năm 2014?

**A.** Tỷ lệ dân thành thị có xu hướng tăng. **B.** Tỷ lệ dân nông thôn có xu hướng tăng.

**C.** Tỷ lệ dân thành thị luôn ít hơn dân nông thôn. **D.** Tỷ lệ dân nông thôn và thành thị không đổi.

**B. PHẦN TỰ LUẬN**

1. Xem lại các bài thực hành (phần vẽ biểu đồ) của LB Nga, Nhật Bản, Trung Quốc và Đông Nam Á.

2. Chính sách dân số đã tác động đến dân số Trung Quốc như thế nào?

3. Vì sao giao thông vận tải biển lại đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Nhật Bản?

4. Việc phát triển giao thông theo hướng đông- tây ở Đông Nam Á lục địa có ảnh hưởng gì đến phát triển kinh tế - xã hội?

5. Phân tích những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên trong sự phát triển kinh tế của khu vực Đông Nam Á

**------------------HẾT-------------**